

Số: 500/QĐ-THCSNVL

Quận 6, ngày 25 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn giảm tiền học phí chính khóa học kỳ I năm 2024-2025 cho học sinh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG

Căn cứ vào Quyết định số 1414/QĐ-CT ngày 14 tháng 03 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về việc thành lập Trường THCS Nguyễn Văn Luông;

Căn cứ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về giao chỉ tiêu dự toán ngân sách năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn giảm học phí học kỳ I năm học 2024-2025 cho 23 học sinh diện hoà nhập khuyết tật, 3 học sinh thuộc diện hộ nghèo, 31 học sinh thuộc diện hộ cận nghèo và thoát nghèo như sau:

- Hoà nhập khuyết tật: (mức học phí)/tháng

= 60.000 đồng/tháng/HS x 4 tháng x 23 HS = 5.520.000 đồng

- Hộ nghèo: (mức học phí)/tháng

= 60.000 đồng/tháng/HS x 4 tháng x 3 HS = 720.000 đồng

- Hộ cận nghèo và thoát nghèo: 50% x (học phí)/tháng

= 30.000 đồng/tháng x 50% x 4 tháng x 31 HS = 3.720.000 đồng

+ Số tiền miễn giảm: 5.520.000 đồng + 720.000 đồng + 3.720.000 đồng = 9.960.000 đồng

(theo danh sách đính kèm)

Điều 3. Tổng số tiền miễn giảm là 9.960.000 (Bằng chữ: Chín triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

Điều 4. Bộ phận tài vụ và các bộ phận thu tiền chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.


HIỆU TRƯỞNG
Đinh Phú Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN GIẢM TIỀN HỌC PHÍ CHÍNH KHÓA HK1 - NH 2024-
2025 THEO NĐ81/2021/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 500/QĐ-THCSNVL ngày 25/11/2024 của Hiệu trưởng trường THCS
Nguyễn Văn Luông)

STT	HỌ và TÊN	LỚP	MỨC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ CHÍNH KHÓA	SỐ THÁNG HỌC	THÀNH TIỀN HỌC PHÍ CHÍNH KHÓA	GHI CHÚ
I	ĐIỆN KHUYẾT TẬT HÒA NHẬP				5.520.000	
1	Hồ Lê Quang Minh	6/3	60.000	4	240.000	
2	Lâm Ngọc Hiền	7/1	60.000	4	240.000	
3	Nguyễn Trần Đan Quỳnh	7/1	60.000	4	240.000	
4	Huỳnh Kim Các	7/2	60.000	4	240.000	
5	Phan Phú Trọng	7/3	60.000	4	240.000	
6	Nguyễn Hoàng Kim Thu	7/3	60.000	4	240.000	
7	Trần Tường Vy	7/4	60.000	4	240.000	
8	Phạm Hoàng Phúc	7/4	60.000	4	240.000	
9	Trương Anh Khôi	7/14	60.000	4	240.000	
10	Nguyễn Chí Thanh	8/1	60.000	4	240.000	
11	Nguyễn Ngọc Tâm Như	8/1	60.000	4	240.000	
12	Nguyễn Ngọc Trí	8/2	60.000	4	240.000	
13	Nguyễn Quốc Khánh	8/3	60.000	4	240.000	
14	Trình Thiện Phúc	8/4	60.000	4	240.000	
15	Võ Đình Minh Nhật	8/4	60.000	4	240.000	
16	Nguyễn Hoàng Sĩ Ân	8/7	60.000	4	240.000	
17	Đặng Vĩnh Trụ	9/1	60.000	4	240.000	
18	Nguyễn Khánh Phong	9/2	60.000	4	240.000	
19	Nguyễn Huỳnh Thiên Lạc	9/2	60.000	4	240.000	
20	Nguyễn Ngọc Phương Linh	9/2	60.000	4	240.000	
21	Nguyễn Thanh Nhi	9/3	60.000	4	240.000	
22	Ngô Nguyễn Bảo Châu	9/3	60.000	4	240.000	
23	Nguyễn Ngọc Kim Phụng	9/4	60.000	4	240.000	
II	HỘ NGHEÒ				720.000	
1	Huỳnh Bảo Hưng	9/8	60.000	4	240.000	
2	Huỳnh Tuyết Nhi	7/3	60.000	4	240.000	
3	Lê Huy Hoàng	9/3	60.000	4	240.000	
III	HỘ CẶN NGHEÒ				3.720.000	
1	Nguyễn Ngọc Hà	8/1	30.000	4	120.000	
2	Võ Phạm Huỳnh Liên	8/2	30.000	4	120.000	
3	Nguyễn Dương Nhật Minh	8/3	30.000	4	120.000	
4	Lưu Dương Hân	8/3	30.000	4	120.000	
5	Nguyễn Thúy Diễm	8/2	30.000	4	120.000	
6	Phạm Ngọc Thắng	9/2	30.000	4	120.000	
7	Hồ Phạm Bảo Trân	9/3	30.000	4	120.000	
8	Lưu Dương Tuấn Nghĩa	9/3	30.000	4	120.000	
9	Lê Thị Cẩm Tú	9/5	30.000	4	120.000	

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MỨC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ CHÍNH KHÓA	SỐ THANG HỌC	PHÍ THÀNH TIỀN HỌC PHÍ CHÍNH KHÓA	GHI CHÚ
10	Tô Trí Vi	7/13	30.000	4	120.000	
11	Nguyễn Thị Anh Thư	7/2	30.000	4	120.000	
12	Kim Gia Long	6/9	30.000	4	120.000	
13	Nguyễn Thanh Nhi	9/3	30.000	4	120.000	
14	Nguyễn Phương Ngọc Châu	7/3	30.000	4	120.000	
15	Trần Thị Anh Thư	6/1	30.000	4	120.000	
16	Dương Chí Tài	7/3	30.000	4	120.000	
17	Phạm Thị Bích Diệu	9/4	30.000	4	120.000	
18	Lưu Quang Minh	6/2	30.000	4	120.000	
19	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	7/3	30.000	4	120.000	
20	Phạm Hoàng Diệu Bảo	8/2	30.000	4	120.000	
21	Võ Minh Thành	7/1	30.000	4	120.000	
22	Hồ Phạm Kim Ngân	6/9	30.000	4	120.000	
23	Dương Bích Nghi	6/2	30.000	4	120.000	
24	Lê Hoàng Khải Minh	6/2	30.000	4	120.000	
25	Võ Phạm Bảo Trân	6/1	30.000	4	120.000	
26	Đỗ Hồng Bảo Khang	6/1	30.000	4	120.000	
27	Lê Văn Hòa	6/1	30.000	4	120.000	
28	Nguyễn Đức Anh	6/4	30.000	4	120.000	
29	Trương Tây Trúc	9/5	30.000	4	120.000	
30	Huỳnh Khuu Thanh Trúc	9/3	30.000	4	120.000	
31	Huỳnh Thị Ngọc Anh	7/3	30.000	4	120.000	
Tổng cộng					9.960.000	

Chín triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024

Hiệu trưởng



Ngô Thị Anh Minh

Kê toán